TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA

PHẠM NGỌC THẠCH

**BỘ MÔN KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN KHOA**

**KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN**

**Đối tượng đào tạo:**

**Cán bộ chuyên trách kiểm soát nhiễm khuẩn**

**tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trang** |
| 1 | Lời giới thiệu | 1 |
| 2 | Thông tin chung về chương trình đào tạo | 3 |
| 3 | Giới thiệu tổng quát về chương trình đào tạo | 4 |
| 4 | Mục tiêu đào tạo | 4 |
| 5 | Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo | 7 |
| 6 | Mô tả các chủ đề/bài học | 10 |
| 7 | Hướng dẫn thực hiện chương trình | 16 |
| 8 | Tài liệu tham khảo | 19 |

**LỜI GIỚI THIỆU**

Nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) là hậu quả không mong muốn trong thực hành khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh. NKBV làm tăng tỷ lệ mắc bệnh, tăng tỷ lệ tử vong, kéo dài thời gian điều trị và đặc biệt là làm tăng chi phí điều trị. Nguy cơ NKBV tăng tại những cơ sở khám chữa bệnh không tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình thực hành vô khuẩn cơ bản trong chăm sóc, điều trị người bệnh và ở những nơi kiến thức, thái độ về kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế còn hạn chế.

Từ năm 1997, Bộ Y Tế đã yêu cầu các bệnh viện từ hạng 2 phải thành lập khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn. Thông tư 18/TT-BYT/2009 cũng đã hướng dẫn rất chi tiết nhiệm vụ chức năng của khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, cho đến nay, những cán bộ chuyên trách Kiểm soát nhiễm khuẩn đa phần chưa được đào tạo chính quy về Kiểm soát nhiễm khuẩn. Các nội dung liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện mới chỉ được đưa vào chương trình đào tạo chính khoá tại các trường đào tạo y, dược dưới dạng các chủ đề và nằm rải rác ở nhiều môn học. Mới đây, một số chương trình đào tạo điều dưỡng trung học, cao đẳng mới đưa KSNK thành một môn học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình đào tạo chuyên khoa định hướng về kiểm soát nhiễm khuẩn, giáo dục, đào tạo, huấn luyện kiến thức chuyên sâu về kiểm soát nhiễm khuẩn cho cán bộ y tế chuyên trách là rất cần thiết. Việc nâng cao kiến thức kiểm soát nhiễm khuẩn cho cán bộ y tế chuyên trách sẽ giúp tăng cường nhân lực cho hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn, góp phần làm giảm hậu quả không mong muốn trong khám chữa bệnh, giảm chi phí điều trị, nâng cao chất lượng khám, chăm sóc, điều trị người bệnh, cải thiện an toàn người bệnh và nhân viên y tế.

Chương trình đào tạo định hướng kiểm soát nhiễm khuẩn này được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của Tổ chức Y Tế Thế giới, Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật Hoa Kỳ, chương trình của Hội Kiểm soát nhiễm khuẩn và dịch tể học bệnh viện, chương trình đào tạo về chống nhiễm khuẩn của Bộ Y tế ban hành năm 2003, các chương trình tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn của các bệnh viện Chợ rẫy, Trung ương Huế, Bạch Mai.

Chương trình được sử dụng để đào tạo cho các cán bộ, viên chức y tế đang công tác tại các khoa/tổ KSNK thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cán bộ giảng dậy môn học, chủ đề KSNK tại các trường đại học, cao đẳng, trung học y tế và các trung tâm đào tạo cán bộ y tế.

Thời gian hoàn thành của khóa đào tạo theo chương trình là 24 tuần, tương đương với 960 tiết. Bao gồm cả thời gian học lý thuyết, thực hành trên lớp, thực tế tại bệnh viện, kiểm tra đánh giá, khai giảng và bế giảng. Chương trình được thực hiện liên tục trong 24 tuần trong đó có các đợt tập trung xen kẽ thời gian làm việc tại đơn vị với phương pháp giảng dạy tích cực, lấy học viên làm trung tâm. Học viên được đánh giá cả lý thuyết và thực hành. Những học viên hoàn thành các điều kiện của khóa học sẽ được nhận chứng chỉ “Chuyên khoa định hướng về Kiểm soát nhiễm khuẩn” do Trường Đại học Y Phạm Ngọc Thạch cấp.

Những nội dung đào tạo chính được đề cập trong chương trình gồm 6 chủ đề và 39 bài, đó là: An toàn người bệnh và quản lý chương trình KSNK bệnh viện; Phòng ngừa cách ly, phòng lây truyền cho đối tượng đặc biệt và nhân viên y tế; Phòng nhiễm khuẩn theo đường truyền và nhiễm khuẩn theo chuyên khoa; Khử khuẩn-tiệt khuẩn dụng cụ y tế; Điều tra và giám sát dịch, giám sát NKBV; Viết đề cương điều tra, giám sát NKBV.

**THÔNG TIN CHUNG**

1. **Đối tượng đào tạo**: Các bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên y khoa đang công tác tại các khoa/tổ KSNK của các bệnh viện, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc đang giảng dạy môn học hoặc các chuyên đề liên quan đến KSNK.
2. **Phương thức đào tạo**: Hướng dẫn Lý thuyết + Thực hành tại trường và tại bệnh viện
3. **Thời gian đào tạo**: 24 tuần
4. **Hình thức đào tạo**:

Học Lý thuyết và thực hành tại trường: Tập trung học vào tất cả các buổi chiều trong tuần cộng với các ngày thứ 7 cho đến hết chương trình. Thời gian học mỗi buổi 4 tiết, mỗi tiết 50 phút

Thực tập tại bệnh viện: Hai bệnh viện sẽ gửi sinh viên thực tập là BV Chợ Rẫy và BV Nhi đồng 1

1. **Văn bằng, chứng chỉ**:

- Các học viên tham dự đầy đủ và đạt được các yêu cầu của Chương trình đào tạo sẽ được cấp chứng chỉ chuyên khoa định hướng về Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Người có chứng chỉ sẽ được công nhận đủ khả năng làm việc tại các khoa KSNK bệnh viện theo quy định tại Thông tư 18/2009/TT-BYT.

**GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

Trang bị, bổ sung và cập nhật kiến thức, kỹ năng, thái độ cho cán bộ chuyên trách công tác KSNK trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về Phòng và Kiểm soát nhiễm khuẩn, góp phần đảm bảo an toàn cho người nhận dịch vụ y tế, nhân viên y tế và cộng đồng.

**Mục tiêu cụ thể**

***Về Kiến thức:***

1. Liệt kê đủ và đúng các nội dung cơ bản trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KSNK.

2. Trình bày được hệ thống tổ chức KSNK; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Hội đồng KSNK, Khoa KSNK và nhiệm vụ của các cá nhân chuyên trách KSNK.

3. Trình bày đúng vai trò, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các phòng, khoa liên quan đến KSNK.

4. Trình bày đúng khái niệm và nguy cơ nhiễm khuẩn mắc phải trong các cơ sở y tế đối với người bệnh và nhân viên y tế.

5. Kể được hiện trạng và những hành vi nguy cơ liên quan đến KSNK của nhân viên y tế trong các đơn vị khám, chữa bệnh và đề xuất được giải pháp thay đổi hành vi và thực hành chuyên môn.

6. Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc và nội dung phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa theo đường lây truyền.

7. Kể được các nguyên tắc chính trong phân loại, thu gom và quản lý chất thải y tế nguy hại trong thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

8. Trình bày đúng các định nghĩa nhiễm khuẩn và các tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện, bao gồm: nhiễm khuẩn máu, nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn hô hấp, nhiễm khuẩn tiết niệu, nhiễm khuẩn tiêu hóa, nhiễm HIV.

9. Trình bày đúng các nguy cơ của vi khuẩn kháng kháng sinh và các chiến lược sử dụng kháng sinh trong khám bệnh, chữa bệnh.

10. Trình bày đúng khái niệm dịch, đại dịch, nguyên tắc điều tra và quy trình điều tra một vụ dịch lưu hành.

11. Trình bày đúng khái niệm về giám sát NKBV, các bước của quy trình giám sát NKBV.

12. Trình bày được các nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện đối với các đối tượng người bệnh đặc biệt như bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, nhân viên y tế và các phương pháp phòng ngừa.

13. Trình bày được tổ chức, nguyên tắc và các quy trình quản lý đồ vải, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ y tế.

14. Trình bày đúng nguyên tắc thiết kế xây dựng bệnh viện để phòng ngừa nhiêm khuẩn.

***Về Kỹ năng:*** Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn cơ bản trong phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn, bao gồm:

1. Vệ sinh tay thường quy;

2. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân;

3. Sắp xếp người bệnh đảm bảo nguyên tắc phòng nhiễm khuẩn;

4. Vệ sinh môi trường

5. Phân loại, thu gom và quản lý chất thải y tế tại đơn vị;

6. Phân loại, làm sạch, khử nhiễm, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ y tế;

7. Quản lý đồ vải;

8. Quy trình cách ly, phòng ngừa nhiễm khuẩn theo đường truyền

9. Xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp phơi nhiễm với máu, dịch tiết và vật sắc nhọn.

10. Đánh giá, phân tích cấu trúc bệnh viện đảm bảo nguyên tắc KSNK không.

11. Phát hiện đúng nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và các nguy cơ: nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn hô hấp, nhiễm khuẩn tiết niệu, nhiễm khuẩn máu, nhiễm khuẩn tiêu hóa.

12. Xây dựng kế hoạch của khoa và nhân viên chuyên trách KSNK, kế hoạch công tác KSNK tại đơn vị

13. Tư vấn về quản lý sử dụng kháng sinh của đơn vị

14. Xây dựng và thực hiện giám sát NKBV

15. Xây dựng và thực hiện các đề án nghiên cứu NKBV

16. Biết tiếp cận, hợp tác với các cán bộ, nhân viên trong bệnh viện để thu hút mọi người cùng tham gia vào công tác KSNK.

**CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT**

1. **Chương trình dạy tại trường:** 480 tiết (bao gồm cả khai mạc, tổng kết, bế mạc lớp học; lượng giá trước và kết thúc khóa đào tạo);

Thời gian đào tạo: 12 tuần (mỗi tuần 5 ngày, mỗi ngày 8 tiết, mỗi tiết = 50 phút)

1. **Chương trình thực tập tại bệnh viện:** 3 tháng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/bài học** | | **Số tiết** | | |
| **Tổng số** | **LT** | **TH** |
| **Chủ đề I. An toàn người bệnh và chương trình KSNK bệnh viện** | | | **80** | **40** | **40** |
| 1 | An toàn trong chăm sóc y tế và KSNK bệnh viện | | 8 | 4 | 4 |
| 2 | Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KSNK | | 4 | 4 | 4 |
| 3 | Hệ thống tổ chức KSNK bệnh viện, mối quan hệ giữa KSNK và các đơn vị liên quan trong các cơ sở KBCB | | 12 | 4 | 8 |
| 4 | Chức năng nhiệm vụ của Bác sĩ và điều dưỡng KSNK | | 8 | 4 | 4 |
| 5 | Quy trình quản lý và ứng dụng quy trình quản lý chương trình KSNK bệnh viện | | 12 | 4 | 8 |
| 6 | Vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong nhiễm khuẩn bệnh viện và vai trò của xét nghiệm vi sinh trong KSNK | | 12 | 4 | 8 |
| 7 | Quản lý sử dụng kháng sinh trong bệnh viện | | 8 | 4 | 4 |
| 8 | Thiết kế và cơ sở hạ tầng đảm bảo KSNK | | 8 | 4 | 4 |
| 9 | Quản lý nguy cơ lây nhiễm | | 8 | 4 | 4 |
| **Chủ đề II. Phòng ngừa cách ly, phòng lây truyền cho đối tượng đặc biệt và nhân viên y tế** | | | **80** | **36** | **44** |
| 1 | Các nguyên tắc phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung | | 8 | 4 | 4 |
| 2 | Vệ sinh tay và giám sát tuân thủ vệ sinh tay | | 8 | 3 | 5 |
| 3 | Sử dụng găng và phương tiện phòng hộ cá nhân | | 8 | 4 | 4 |
| 4 | Tiêm an toàn, phòng và sử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do vật sắc nhọn | | 8 | 4 | 4 |
| 5 | Vệ sinh hô hấp | | 4 | 4 | 4 |
| 6 | Quản lý chất thải y tế | | 4 | 1 | 3 |
| 7 | Quản lý đồ vải | | 4 | 1 | 3 |
| 8 | Vệ sinh nước, môi trường và thông khí | | 12 | 8 | 4 |
| 9 | Sắp xếp người bệnh | | 4 | 1 | 3 |
| 10 | Phòng nhiễm khuẩn bệnh viện với đối tượng bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi | | 4 | 4 | 0 |
| 10 | Những nguy cơ mắc bệnh nhiễm khuẩn do nghề nghiệp ở nhân viên y tế nói chung và các biện pháp phòng ngừa | | 12 | 4 | 8 |
| 11 | Phòng nhiễm khuẩn mắc phải cho nhân viên vệ sinh, nhà giặt, nhà đại thể. | | 8 | 4 | 4 |
| **Chủ đề III. Phòng nhiễm khuẩn theo đường truyền và nhiễm khuẩn theo chuyên khoa** | | | **80** | **42** | **38** |
| 1 | Các định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện | | 8 | 4 | 4 |
| 1 | Phòng nhiễm khuẩn vết mổ | | 12 | 8 | 4 |
| 2 | Phòng nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới liên quan đến thông khí nhân tạo | | 8 | 4 | 4 |
| 3 | Phòng nhiễm khuẩn huyết liên quan đến catheter | | 8 | 4 | 4 |
| 4 | Phòng nhiễm khuẩn đường tiết niệu liên quan đến thông tiểu | | 8 | 4 | 4 |
| 5 | Phòng nhiễm khuẩn trong cấy ghép tủy và cơ quan | | 8 | 4 | 4 |
| 6 | KSNK tại khoa nhi | | 4 | 2 | 2 |
| 7 | KSNK tại khoa khám bệnh | | 4 | 2 | 2 |
| 8 | KSNK tại khoa HSCC | | 4 | 2 | 2 |
| 9 | KSNK phòng phẫu thuật | | 4 | 2 | 2 |
| 10 | KSNK phòng sinh và khoa sơ sinh | | 4 | 2 | 2 |
| 11 | KSNK tại khoa thận lọc máu | | 4 | 2 | 2 |
| 12 | KSNK tại khoa dinh dưỡng-tiết chế | | 4 | 2 | 2 |
| **Chủ đề IV. Khử khuẩn-tiệt khuẩn dụng cụ y tế** | | | **80** | **32** | **48** |
| 1 | Các khái niệm, nguyên tắc và tổ chức trung tâm/đơn vị khử khuẩn, tiệt khuẩn và cung ứng dụng cụ vô khuẩn tại cơ sở KBCB | | 12 | 4 | 8 |
| 2 | Làm sạch dụng cụ | | 8 | 4 | 4 |
| 3 | Khử khuẩn- Hóa chất khử khuẩn | | 12 | 4 | 8 |
| 4 | Tiệt khuẩn | | 12 | 4 | 8 |
| 5 | Bảo trì dụng cụ phẫu thuật | | 12 | 4 | 8 |
| 6 | Giám sát chất lượng vô khuẩn dụng cụ phẫu thuật | | 16 | 8 | 8 |
| 7 | Thiết kế khu tiệt khuẩn trung tâm | | 8 | 4 | 4 |
| **Chủ đề V. Điều tra và giám sát dịch, giám sát NKBV** | | | **80** | **40** | **40** |
| 1 | Dịch tễ học liên quan đến chăm sóc y tế và quản lý dịch bệnh | | 16 | 8 | 8 |
| 2 | Giám sát tuân thủ về Kiểm soát nhiễm khuẩn | | 16 | 8 | 8 |
| 3 | Giám sát Nhiễm khuẩn bệnh viện | | 16 | 8 | 8 |
| 4 | Phân tích, báo cáo kết quả giám sát | | 16 | 8 | 8 |
| 5 | Điều tra dịch bệnh trong cơ sở KBCB | | 16 | 8 | 8 |
| **Chủ đề VI. Viết đề cương nghiên cứu hoặc tiểu luận về KSNK** | | | **40** | **15** | **25** |
| 1 | | Quy trình xây dựng đề cương và cấu trúc đề cương nghiên cứu | 8 | 3 | 5 |
| 2 | | Phát hiện và lựa chọn vấn đề nghiên cứu | 4 | 2 | 3 |
| 3 | | Quy trình xây dựng đề cương và cấu trúc đề cương dự án | 4 | 2 | 2 |
| 3 | | Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu hoặc đề cương dự án | 24 | 8 | 16 |
| **Khai mạc, bế mạc và lượng giá học tập** | | | **40** |  |  |
| 1 | | Khai mạc-bế mạc | 3 |  |  |
| 2 | | Lượng giá trước khóa học | 1 |  |  |
| 3 | | Lượng giá kết thúc khóa học | 12 |  |  |
| 4 | | Sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khóa | 24 |  |  |
| **Tổng cộng** | | | **480** | **205** | **235** |

**MÔ TẢ CÁC CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/bài học và nội dung** | **Số tiết** | | |
| **Tổng số** | **LT** | **TH** |
| **Chủ đề I. An toàn người bệnh và quản lý chương trình KSNK bệnh viện** | | **80** | **40** | **40** |
| 1 | An toàn trong chăm sóc y tế và KSNK bệnh viện   * Khái niệm về an toàn người bệnh * Lý do thực hiện chương trình an toàn người bệnh * Chương trình an toàn người bệnh toàn cầu của WHO * Sự liên quan của KSNK và an toàn người bệnh | 8 | 4 | 4 |
| 2 | Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KSNK   * Tóm tắt các điều khoản của Luật KBCB liên quan đến KSNK * Tóm tắt các điều khoản của Luật Phòng chống bệnh lây nhiễm * Tóm tắt Luật Phòng chống HIV/AIDS * Thông tư 18/2009/TT-BYT * Quy chế quản lý chất thải y tế | 4 | 4 | 4 |
| 3 | Hệ thống tổ chức KSNK bệnh viện, mối quan hệ giữa KSNK và các đơn vị liên quan trong các cơ sở KBCB   * Tổ chức, chức năng và nhiệm vụ Hội đồng KSNK * Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ khoa KSNK * Mạng lưới KSNK * Vai trò của khoa dược trong KSNK và mối quan hệ công tác với khoa KSNK * Vai trò của các khoa Lâm sàng trong KSNK và mối quan hệ công tác với khoa KSNK * Vai trò của Phòng Điều dưỡng trong KSNK và mối quan hệ | 12 | 4 | 8 |
| 4 | Chức năng nhiệm vụ của Bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên khác của khoa KSNK   * Chức năng, nhiệm vụ của bác sĩ KSNK * Chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng KSNK * Nhiệm vụ của các nhân viên công tác tại khoa KSNK | 8 | 4 | 4 |
| 5 | Quy trình quản lý và ứng dụng quy trình quản lý chương trình KSNK bệnh viện   * Khái niệm về quản lý * Quy trình quản lý * Vai trò quản lý của nhân viên chuyên trách KSNK * Ứng dụng quy trình quản lý trong lập kế hoạch chương trình KSNK | 12 | 4 | 8 |
| 6 | Vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong nhiễm khuẩn bệnh viện và vai trò của xét nghiệm vi sinh trong KSNK   * Khái niệm về vi rút, vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng * Những vi sinh vật gây bệnh thường gặp * Vai trò của khoa vi sinh trong KSNK * Mối quan hệ công tác giữa khoa vi sinh và khoa KSNK | 12 | 4 | 8 |
| 7 | Chính sách sử dụng kháng sinh trong bệnh viện | 8 | 4 | 4 |
| 8 | Thiết kế xây dựng theo quan điểm của KSNK | 8 | 4 | 4 |
| 9 | Quản lý nguy cơ lây nhiễm | 8 | 4 | 4 |
| **Chủ đề II. Cách ly và phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện-Phòng lây truyền cho đối tượng đặc biệt và nhân viên y tế** | | **80** | **36** | **44** |
| 1 | Các nguyên tắc Phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa cách ly   * Khái niệm về phòng ngừa chuẩn và phồng ngừa theo đường truyền * Các nguyên tắc phòng ngừa: Vệ sinh tay, sử dụng phương tiện phòng hộ, vệ sinh hô hấp, khử khuẩn-tiệt khuẩn, phòng và sử trí rủi ro do vật sắc nhọn, quản lý chất thải y tế, quản lý đồ vài, sắp xếp người bệnh, phòng lây truyền qua giọt bắn, phòng lây truyền qua đường không khí | 4 | 4 | 0 |
| 2 | Vệ sinh tay và giám sát tuân thủ vệ sinh tay   * Vai trò và tầm quan trọng trong vệ sinh tay * Vệ sinh tay thường quy * Vệ sinh tay phẫu thuật * Giám sát sự tuân thủ vệ sinh tay | 8 | 3 | 5 |
| 3 | Sử dụng găng và phương tiện phòng hộ cá nhân   * Nguyên tắc * Sử dụng găng tay y tế * Sử dụng khẩu trang * Sử dụng quần, áo bảo hộ * Sử dụng kính mắt và mạng che mặt * Sử dụng mũ, ủng bảo hộ | 4 | 1 | 3 |
| 4 | Tiêm an toàn, phòng và sử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do vật sắc nhọn   * Khái niệm về tiêm an toàn * Dịch tễ học bệnh lây truyền do tiêm không an toàn * Các biện pháp thay đổi hành vi hướng tới tiêm an toàn * Các biện pháp thực hành an toàn trong tiêm * Sử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do mũi kim tiêm | 8 | 4 | 4 |
| 5 | Phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính   * Khái niệm * Nguyên nhân * Phân loại * Hệ thống quản lý dịch * Các biện pháp dự phòng | 8 | 4 | 4 |
| 6 | Quản lý chất thải y tế   * Khái niệm * Phân loại * Quy định mã mầu * Thu gom, vận chuyển và quản lý chất thải | 4 | 1 | 3 |
| 7 | Quản lý đồ vải   * Khái niệm * Phân loại * Nguyên tắc quản lý * Thu gom, vận chuyển, xử lý và quản lý | 4 | 1 | 3 |
| 8 | Vệ sinh nước, môi trường và thông khí | 4 | 1 | 3 |
| 9 | Sắp xếp người bệnh   * Nguyên tắc * Phân loại * Sắp xếp | 4 | 1 | 3 |
| 10 | Phòng nhiễm khuẩn bệnh viện với đối tượng bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và những bệnh nhân có nguy cơ NKBV cao   * Sức khỏe phụ nữ có thai, sản phụ trong nhiễm khuẩn bệnh viện * Sức khỏe trẻ em trong nhiễm khuẩn bệnh viện * Sức khỏe người cao tuổi trong nhiễm khuẩn bệnh viện * Những bệnh nhân có nguy cơ NKBV cao | 4 | 4 | 0 |
| 10 | Những nguy cơ mắc bệnh nhiễm khuẩn do nghề nghiệp ở nhân viên y tế nói chung và các biện pháp phòng ngừa   * Nguy cơ lây nhiễm viêm gan B * Nguy cơ lây nhiễm viêm gan C | 16 | 8 | 8 |
| 11 | Phòng nhiễm khuẩn mắc phải cho nhân viên vệ sinh, nhà giặt, nhà đại thể   * Phòng lây nhiễm cho nhân viên vệ sinh * Phòng lây nhiễm cho nhân viên nhà giặt * Phòng lây nhiễm cho nhân viên nhà tang lễ, nhân viên đại thể | 12 | 4 | 8 |
| **Chủ đề III. Phòng nhiễm khuẩn theo đường truyền và chuyên khoa** | | **80** | **42** | **38** |
| 1 | Các định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện   * Nhiễm khuẩn máu * Nhiễm khuẩn vết mổ * Nhiễm khuẩn hô hấp * Nhiễm khuẩn tiết niệu * Nhiễm khuẩn tiêu hóa | 8 | 4 | 4 |
| 1 | Phòng nhiễm khuẩn vết mổ   * Khái niệm * Dịch tễ học * Nguyên tắc phòng ngừa * Quy trình chăm sóc vết mổ | 12 | 8 | 4 |
| 2 | Phòng nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới liên quan đến thông khí nhân tạo   * Khái niệm * Dịch tễ học * Nguyên tắc phòng ngừa * Quy trình chăm sóc người bệnh có can thiệp thông khí nhân tạo * Quy trình hút đờm * Quy trình vỗ rung long đờm | 8 | 4 | 4 |
| 3 | Phòng nhiễm khuẩn huyết liên quan đến catheter   * Khái niệm * Dịch tễ học * Nguyên tắc phòng ngừa * Quy trình chăm sóc catheter | 8 | 4 | 4 |
| 4 | Phòng nhiễm khuẩn đường tiết niệu liên quan đến thông tiểu   * Khái niệm * Dịch tễ học * Nguyên tắc phòng ngừa * Quy trình chăm sóc catheter | 8 | 4 | 4 |
| 5 | Phòng nhiễm khuẩn trong cấy ghép tủy và cơ quan   * Khái niệm * Dịch tễ học * Nguyên tắc phòng ngừa * Quy trình chăm sóc | 8 | 4 | 4 |
| 6 | KSNK tại khoa nhi   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| 7 | KSNK tại khoa khám bệnh   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| 8 | KSNK tại khoa HSCC   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| 9 | KSNK phòng phẫu thuật   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| 10 | KSNK phòng sinh và khoa sơ sinh   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| 11 | KSNK tại khoa thận lọc máu   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| 12 | KSNK tại khoa dinh dưỡng-tiết chế   * Dịch tễ học nhiễm khuẩn tại khoa nhi * Nguyên tắc KSNK | 4 | 2 | 2 |
| **Chủ đề IV. Khử khuẩn-tiệt khuẩn dụng cụ y tế** | | **40** | **12** | **28** |
| 1 | Các khái niệm, nguyên tắc và tổ chức trung tâm/đơn vị khử khuẩn, tiệt khuẩn và cung ứng dụng cụ vô khuẩn tại cơ sở KBCB   * Khái niệm khử khuẩn và tiệt khuẩn * Nguyên tắc * Tổ chức trung tâm/đơn vị khử khuẩn tiệt khuẩn và cung ứng dụng cụ vô khuẩn tại BV/cơ sở khám bệnh, chữa bệnh * Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên thực hành khử khuẩn, tiệt khuẩn | 12 | 4 | 8 |
| 2 | Làm sạch   * Phân loại dụng cụ sau sử dụng * Thu gom dụng cụ * Nguyên tắc và quy trình xử lý dụng cụ sau sử dụng * Nguyên tắc vận chuyển dụng cụ đã sử dụng tới trung tâm khử khuẩn-tiệt khuẩn | 4 | 0 | 4 |
| 3 | Khử khuẩn   * Nguyên tắc * Phân loại * Khử khuẩn bằng hóa chất * Khử khuẩn bằng nhiệt khô | 12 | 4 | 8 |
| 4 | Tiệt khuẩn   * Nguyên tắc * Phân loại * Tiệt khuẩn bằng hơi nóng * Tiệt khuẩn bằng áp suất | 12 | 4 | 8 |
| 5 | Bảo trì dụng cụ phẫu thuật | 12 | 4 | 8 |
| 6 | Giám sát chất lượng vô khuẩn dụng cụ phẫu thuật | 16 | 8 | 8 |
| 7 | Thiết kế khu tiệt khuẩn trung tâm | 8 | 4 | 4 |
| **Chủ đề V. Điều tra và giám sát dịch, giám sát NKBV** | | **80** | **40** | **40** |
| 1 | Dịch tễ học liên quan đến chăm sóc y tế và quản lý dịch bệnh | 16 | 8 | 8 |
| 2 | Giám sát tuân thủ về Kiểm soát nhiễm khuẩn | 16 | 8 | 8 |
| 3 | Giám sát Nhiễm khuẩn bệnh viện | 16 | 8 | 8 |
| 4 | Phân tích, báo cáo kết quả giám sát | 16 | 8 | 8 |
| 5 | Điều tra dịch bệnh trong cơ sở KBCB | 16 | 8 | 8 |
| **Chủ đề VI. Viết tiểu luận hoặc đề cương một nghiên cứu NKBV** | | **40** |  |  |
| **Tổng cộng** | | **480** | **205** | **235** |

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo liên tục là cơ sở cho các đơn vị tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm hệ thống hóa và cập nhật kịp thời các kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, góp phần nâng cao năng lực các cán bộ đang công tác trong các cơ sở công lập và ngoài công lập, đáp ứng chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội trong từng thời kỳ phát triển và hội nhập.

**1. Cấu trúc chương trình:**

Chương trình đào tạo liên tục về Chuyên khoa phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn được Bộ Y tế ban hành sử dụng để đào tạo, trang bị, bổ sung và cập nhật kiến thức, kỹ năng về Phòng và Kiểm soát nhiễm khuẩn cho cán bộ, viên chức chuyên trách công tác KSNK tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Cấu trúc chương trình gồm 400 tiết, trong đó:13 tiết lượng giá trước khóa học và lượng giá tốt nghiệp, 360 tiết thực học (165 tiết lý thuyết và 195 tiết thực hành) bao gồm 6 chủ đề với 39 bài học, cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết về phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn để một cán bộ chuyên trách nhiễm khuẩn bệnh viện tự tin thực hiện nhiệm vụ của mình .

**2. Tổ chức đào tạo**

- Đơn vị tổ chức đào tạo là các đơn vị có đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Y tế. - Giảng viên lớp học là các cán bộ y tế đã được tham gia khoá đào tạo giảng viên về Phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Mỗi lớp đào tạo không quá 30 học viên;

- Thời gian đào tạo: 400 tiết, mỗi tiết 50 phút; tuỳ theo điều kiện thực tế,khoá đào tạo có thể tổ chức 1 trong 2 phương án sau:

- Tập trung trong 10 tuần, mỗi tuần 5 ngày, mỗi ngày 8 tiết, mỗi tiết 50 phút.

- Tập trung học vào tất cả các buổi chiều trong tuần cộng với các ngày thứ 7 chủ nhật cho đến hết chương trình. Thời gian học mỗi buổi 4 tiết, mỗi tiết 50 phút

- Hoặc học tại chức thành 5 đợt, mỗi đợt học hai tuần.

Tuy nhiên, dù đào tạo theo phương án nào vẫn phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện, yêu cầu tổ chức lớp đào tạo theo quy định, đảm bảo mục tiêu, chất lượng và hiệu quả.

**3. Đối tượng người học**

Các cán bộ y tế đang và sẽ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách công tác KSNK tại các bệnh viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc giảng viên giảng dậy các môn học, chủ đề về KSNK của các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế.

**4. Tổ chức giảng dạy**:

- Cung cấp đủ tài liệu học tập để học viên đọc và nghiên cứu trước, trong và sau học;

- Hướng dẫn học viên sử dụng tài liệu có hiệu quả;

- Lựa chọn phương pháp dạy học tích cực phù hợp với mục tiêu học tập và đối tượng người học.

- Sử dụng các phương tiện trực quan phù hợp với từng nội dung để minh hoạ có hiệu quả (mô hình, các phương tiện phòng hộ, tranh, ảnh, áp phích, băng, đĩa hình, qui trình kỹ thuật, tình huống….)

- Kết hợp chặt chẽ và song hành giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành, học lý thuyết nội dung gì thì học viên được hướng dẫn thực hành về nội dung đó.

- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, bảng kiểm, thang điểm, bố trí địa điểm thích hợp để giảng dạy các bài thực hành đạt mục tiêu, hiệu quả. Ưu tiên giành thời gian để học viên được thực hành kỹ năng, thái độ.

**5. Các phương tiện cơ bản phục vụ giảng dạy theo chủ đề:**

- ***Vệ sinh tay***: Địa điểm rửa tay có đủ nước, xà phòng, khăn lau tay theo quy định, quy trình rửa tay 6 bước, dung dịch cồn sát khuẩn tay nhanh và các bảng kiểm.

- ***Sử dụng phương tiện phòng hộ***: Áo choàng, khẩu trang y tế, khẩu trang N95; găng tay các loại, kính bảo hộ, ủng.

- ***Vệ sinh môi trường cơ sở khám, chữa bệnh***: Xe làm vệ sinh chuẩn có đủ các xô, tải lau, hóa chất, quy trình vệ sinh.

- ***Xử lý đồ vải nhiễm khuẩn:*** Xe đẩy đồ vải, phương tiện thu gom đồ vải, quy trình thu gom đồ vải.

- ***Xử lý chất thải y tế:*** Các loại thùng đựng chất thải, các túi nilon theo mã mẫu quy định, hộp an toàn và quy trình thu gom chất thải

- ***Cọ rửa, sử lý dụng cụ đã sử dụng:*** Bàn chải cọ rửa, xô, chậu, xà phòng,hóa chất khử nhiễm, găng tay vệ sinh, phương tiện phòng hộ.

**6.Tài liệu**

- Tài liệu giảng dậy: Tài liệu kèm theo chương trình này, các Hướng dẫn KSNK của Bộ Y tế.

- Tài liệu đọc thêm: Các văn bản hiện hành có liên quan đến Phòng và KSNK, Luật KBCB, Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm, Luật Phòng chống HIV/AIDS và Thông tư 18/2009/TT-BYT về Hướng dẫn công tác KSNK trong các bệnh viện

- Tài liệu tham khảo: được đăng tại tải website Cục QLKCB, WHO Việt Nam, Hội Điều dưỡng Việt Nam và những tài liệu liên quan đến KSNK của các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, các chương trình dự án liên quan KSNK.

**7. Đánh giá**

- Dựa vào nội dung giảng dậy, các đơn vị tổ chức đào tạo cần xây dựng ngân hàng câu hỏi lượng giá trước và sau học bảo đảm đúng kỹ thuật, kết hợp phương pháp trắc nghiệm khách quan và truyền thống một cách hợp lý, đảm bảo bao phủ đủ và đúng mục tiêu chương trình đào tạo;

- Lượng giá trước khóa học: Lượng giá bằng bộ câu hỏi trắc nghiệm trong thời gian 30 phút, nội dung đáp ứng mục tiêu học tập để đánh giá thực trạng kiến thức về KSNK của học viên tại thời điểm trước khi tham dự khóa đào tạo.

- Lượng giá trong thời gian học tập:

+ Giảng viên lượng giá sau mỗi bài học để đánh giá bài giảng.

+ Kết thúc mỗi chủ đề học, học viên có một bài kiểm tra lý thuyết hết chủ đề trong thời gian 30 (chủ đề có thời gian đào tạo 40 tiết) và 60 phút (chủ đề có thời gian đào tạo 60 tiết) và kiểm tra các kỹ năng thực hành được thực hiện trong quá trình giảng dạy (lượng giá nhanh).

- Lượng giá tốt nghiệp: học viên phải thực hiện:

+ Một bài kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm trong thời gian 60 phút

+ Một kỹ thuật thực hành (bốc thăm) và

+ Trình bày một đề cương nghiên cứu (điều tra, giám sát) NKBV hoặc một dự án cải tiến công tác KSNK tại đơn vị.

**7. Cấp chứng nhận**

- Những học viên đạt ≥ 60% tổng số điểm lý thuyết và thực hành ở Lượng giá tốt nghiệp (không có điểm dưới 5) sẽ được Giám đốc bệnh viện hoặc cơ sở đào tạo cấp chứng nhận *hoàn thành* khoá đào tạo Chuyên khoa phòng và KSNK.

- Những học viên đạt < 60% tổng số điểm sẽ được Giám đốc bệnh viện hoặc cơ sở đào tạo cấp chứng nhận *đã tham dự* khoá đào tạo Chuyên khoa phòng và KSNK.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Tài liệu tiếng Việt:**

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh
2. Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm
3. Luật Phòng chống HIV/AIDS
4. Thông tư 07/2008/TT-BYT ngày 28/5/2008 về Hướng dẫn công tác đào tạo liên tục đối với cán bộ y tế.
5. Thông tư 18/2009/TT-BYT ngày 14/10/2009 về Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám, chữa bệnh.
6. Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ban hành Quy chế Quản lý chất thải Y tế.
7. Các chương trình tập huấn KSNK từ năm 2000-2010 của các bệnh viện Bạch mai, Trung ương Huế, Chợ Rẫy

8. Chương trình đào tạo chống nhiễm khuẩn, Bộ Y tế, 2004

9. Hướng dẫn Phòng ngừa chuẩn, Bộ Y tế, 2011

10. Hướng dẫn Tiêm an toàn, Bộ Y tế, 2011

11. Chương trình đào tạo Phòng ngừa chuẩn, Bộ Y tế, 2010.

**Tài liệu tiếng Anh:**

1**.** International Journal of Infection Control 2011, v7:i2, IFIC, H Humphreys and J Richards;

2. International Journal of Infection Control 2011, v7:i2, IFIC, Shaheen Mahtar, Frederick Marais and Marina Aucamp;

3. Practice guidelines for infection control in health care facilities (WHO, 2004)

4. Infection control strategies for specific procedures in health-care facilities (WHO, 2008)

5. Infection Prevention and control of epidemic – and pandemic- pron acute respiratory disease in health care (WHO, 2007):

6. Epidemic-prone & pandemic-prone acute respiratory diseases, (WHO, 2007)

7. WHO best practices for injections and related procedures toolkit (WHO, 2010)

8. Guideline for disinfection and sterilization in health care facilities (CDC 2008)

9. Guideline for Isolation precaution: preventing transmission of infection agents in health care settings (CDC, 2007

10. Guideline for Enviromental Infection Control In Health Care Facilities (CDC, 2003)

11. From Policy to Practice – Education in Infection Prevention and Control (IFIC, 2011, V7:2):

12. IFIC basic concepts of Infection control, IFIC 2011